

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN HẢI HÀ

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN CHƯ SÊ TỈNH GIA LAI**

Chuyên ngành: Quản lý Giáo dục

Mã số: 60.14.01.14

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. VÕ NGUYỄN DU**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN SỸ THƯ**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng bảo vệ chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Giáo dục học, họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 9 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta đã có những cuộc cải cách giáo dục nhằm hướng tới một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu trong thời đại mới. Nghị quyết đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ: “Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học công nghệ và kinh tế tri thức”; “Đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Có thể thấy việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước. Qua quá trình nghiên cứu và vận dụng lý luận giáo dục, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý giáo dục (QLGD) việc quan tâm, chú trọng đến quản lý (QL) công tác GVCN (GVCN) lớp của hiệu trưởng (HT) ở trường THPT là một lĩnh vực QL cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

Trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có 03 trường THPT, trong mỗi thời kỳ, giai đoạn phát triển, HT các nhà trường đã có những tìm tòi, đổi mới nhất định, đã vận dụng những cách thức QL phù hợp để thực hiện tốt các nhiệm vụ GD-ĐT. Tuy nhiên, trong hoạt động QL công tác GVCN lớp của HT các trường vẫn bộc lộ nhiều bất cập, vai trò điều hành, QL của nhà trường vẫn còn thiếu sót, hiệu quả QL chưa cao, những biện pháp chỉ đạo, QL công tác GVCN lớp của HT chưa đồng bộ và phù hợp với thực tế của GD địa phương. Do đó, việc tìm ra các giải pháp để QL tốt công tác GVCN lớp là vấn đề cấp thiết.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***“Biện pháp quản lý công tác GVCN lớp ở các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai”***

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất một số biện pháp QL công tác GVCN lớp ở các trường THPT huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai

3. Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Quá trình QL công tác GVCN lớp của người HT ở các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Biện pháp QL công tác GVCN lớp của HT ở các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3.3. Phạm vi nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu hoạt động QL công tác GVCN lớp của HT 3 trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

4. Giả thuyết khoa học

QL công tác GVCN lớp ở các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai bên cạnh những ưu điểm vẫn còn những bất cập, hạn chế. Nếu hệ

thống hóa được lý luận và đánh giá đúng thực trạng về QL công tác GVCN thì có thể đề xuất được các biện pháp QL một cách hợp lý và khả thi.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về QL công tác GVCN lớp

5.2. Khảo sát, phân tích thực trạng về công tác GVCN lớp và QL công tác GVCN lớp ở các trường THPT huyện Chư Sê, Gia Lai

5.3. Đề xuất các biện pháp QL giúp HT các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

5.4. Khảo nghiệm và vận dụng các biện pháp đề xuất

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1 Phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu, các văn bản pháp quy, các công trình nghiên cứu liên quan nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

6.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra; quan sát; tổng kết kinh nghiệm; Phỏng vấn CBQL, GV, HS, cha mẹ HS... về thực trạng công tác GVCN lớp và hoạt động QL công tác GVCN lớp của HT; Xin tư vấn từ các chuyên gia và CBQL có kinh nghiệm.

6.3. Phương pháp toán thống kê: Nhằm xử lý và phân tích các kết quả nghiên cứu.

7. Cấu trúc luận văn

Phần 1. Phần mở đầu

Phần 2. Kết quả nghiên cứu bao gồm ba chương

Chương 1: Cơ sở lý luận về QL công tác GVCN lớp ở trường THPT.

Chương 2: Thực trạng QL công tác GVCN lớp của HT ở các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Chương 3: Biện pháp QL công tác GVCN lớp ở các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Phần 3. Kết luận và khuyến nghị

Danh mục tài liệu tham khảo

Phụ lục.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC GVCN LỚP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng GD, đào tạo. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng GD toàn diện, đặc biệt coi trọng GD lý tưởng,

GD truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội. Xây dựng đội ngũ GV đủ về số lượng, đáp ứng nhu cầu về chất lượng. Đề cao trách nhiệm của gia đình và xã hội phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong GD thế hệ trẻ...”. Đây chính là định hướng cốt lõi trong nhiệm vụ GD toàn diện HS nói chung và công tác GVCN lớp nói riêng. Để thực hiện được các nhiệm vụ này, trước hết là công tác xây dựng, QL đội ngũ GVCN lớp; biện pháp QL công tác GVCN lớp ở trường THPT là nhiệm vụ trọng tâm của người HT.

Khi đề cập đến công tác GVCN lớp của GVCN, trên phương diện lý luận, đã có nhiều tác giả nghiên cứu đề cập đến công tác GVCN lớp như: Hà Nhật Thăng, Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Thị Kỳ; Phan Tố Oanh, Nguyễn Văn Hộ... Theo các tác giả, nâng cao hiệu quả QLGD nói chung, công tác GVCN nói riêng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục

Tuy nhiên, cho đến nay, theo những tài liệu đang có vẫn thiếu những công trình đề cập đến biện pháp QL công tác GVCN lớp ở trường THPT. Do vậy chúng tôi muốn đi sâu hơn để xác định cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn về hoạt động QL công tác GVCN lớp của các HT trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp QL đồng bộ, phù hợp với thực tế của GD địa phương nhằm giúp HT các trường QL công tác GVCN lớp có hiệu quả hơn.

1.2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Quản lý

a. Khái niệm quản lý

Có nhiều cách diễn đạt khác nhau về nội dung khái niệm QL, các khái niệm trên đều đề cập đến yếu tố cơ bản như: Chủ thể và khách thể QL, cách thức, phương pháp QL. Do đó, có thể kết luận: QL là một quá trình tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể QL lên khách thể QL trong một tổ chức, thông qua các cơ chế QL nhằm làm cho tổ chức vận hành có hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

1.2.2. Quản lý giáo dục

QLGD là sự tác động một cách có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và hướng đích của chủ thể QL đến tất cả các mắt xích của hệ thống, nhằm mục đích đảm bảo sự hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ, trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật chung của xã hội cũng GD.

1.2.3. Quản lý nhà trường

QL nhà trường là một bộ phận của QLGD. QL nhà trường là tác động có định hướng, có kế hoạch của chủ thể QL lên tất cả các lên tất cả các nguồn lực của nhà trường nhằm thúc đẩy các hoạt động của nhà trường vận hành theo đúng mục tiêu, tính chất của nhà trường XHCN Việt Nam

1.2.4. Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp

Trong trường học, lớp học là đơn vị cơ bản được thành lập để tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh. Để quản lý, giáo dục học sinh trong lớp, nhà trường phân công một trong những giáo viên đang giảng dạy có năng lực chuyên môn tốt, có kinh nghiệm làm công tác quản lý, giáo dục học sinh, có tinh thần trách nhiệm cao và lòng nhiệt tình trong công tác, có uy tín với học sinh và đồng nghiệp làm chủ nhiệm lớp. Đó là giáo viên chủ nhiệm.

1.2.5. Quản lý công tác giáo viên chủ nhiệm lớp

Quản lý công tác giáo viên chủ nhiệm lớp là hoạt động tổ chức, điều hành đội ngũ các GVCN và các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.3. CÔNG TÁC GVCN LỚP Ở TRƯỜNG THPT

1.3.1. Vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của GVCN lớp

a. Vị trí, vai trò của GVCN lớp

Trong nhà trường, GVCN lớp do HT phân công và thay mặt HT QL, tổ chức, điều khiển mọi hoạt động GD HS. Vai trò QL đó được thể hiện trong việc xây dựng kế hoạch GD; tổ chức các hoạt động GD; đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động GD theo kế hoạch; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tu dưỡng của HS trong lớp. GVCN chịu trách nhiệm về kết quả học tập và rèn luyện của tập thể cũng như mỗi HS trong lớp trước HT, Hội đồng nhà trường và cha mẹ HS.

GVCN là người giữ vai trò chủ động trong việc phối hợp các lực lượng GD, là người đứng ra điều phối và kết hợp cùng các lực lượng GD để tổ chức các hoạt động GD một cách có hiệu quả nhất.

b. Chức năng của người GVCN lớp

GVCN lớp là người thay mặt HT trong công tác tổ chức, QL toàn diện hoạt động của HS trong một lớp học

Tổ chức cho tập thể HS hoạt động tự quản trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, sinh hoạt để trên cơ sở đó phát huy sức mạnh tập thể, phát huy tính tích cực, chủ động của HS

Tổ chức, phối hợp, điều tiết các tác động GD giữa nhà trường với các tổ chức, đoàn thể xã hội trong công tác GD HS

Kiểm tra, đánh giá kết quả toàn diện trong quá trình rèn luyện của mỗi HS và hoạt động của mỗi, mỗi tổ cũng như tập thể lớp.

c. Nhiệm vụ của GVCN lớp

Ngoài những nhiệm vụ cụ thể của GVCN được quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 31, Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT - BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng BGD&ĐT,

GVCN còn có những nhiệm vụ đặc thù riêng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương nơi công tác

1.3.2. Nội dung công tác GVCN

a. Tìm hiểu và nắm vững đối tượng GD

Hiểu rõ HS thì mới thực hiện được chức năng QL - GD toàn diện HS lớp học, lựa chọn được những biện pháp tác động phù hợp, mới biến quá trình GD của GV thành quá trình tự GD của HS với tư cách HS là chủ thể của quá trình GD, mới đánh giá đúng đắn và chính xác chất lượng và hiệu quả của GD. Tìm hiểu và nắm vững đối tượng GD vừa là nội dung, vừa là điều kiện để là tốt công tác của GVCN lớp

GVCN phải nắm vững về nội dung tìm hiểu, cách thức tìm hiểu đối tượng GD, thu thập và xử lý thông tin...

Tóm lại, tìm hiểu HS là một quá trình khó khăn, lâu dài, phức tạp, đòi hỏi GVCN phải kiên trì, thận trọng, có tinh thần trách nhiệm cao và lòng thương yêu HS sâu sắc

b. Lập kế hoạch chủ nhiệm

Xây dựng kế hoạch là quyết định trước xem cần phải đạt được điều gì, phải làm gì, làm như thế nào, ai sẽ làm trong thời gian nào. Kế hoạch chủ nhiệm là chương trình hoạt động của GVCN được vạch ra một cách có hệ thống về những công việc dự định làm trong thời gian một năm học với cách thức và trình tự tiên hành nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Bản kế hoạch chủ nhiệm là văn bản trong đó thiết kế cụ thể toàn bộ nội dung công tác GVCN, là chương trình hành động của lớp trong một thời gian cụ thể. Đó là kết quả sáng tạo của GVCN, phản ánh năng lực dự đoán và thiết kế của GVCN. Kế hoạch chủ nhiệm thường được xây dựng theo trục thời gian của năm học như kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần và theo nội dung của các hoạt động GD như kế hoạch luyện tập văn nghệ, kế hoạch lao động...

c. Xây dựng lớp thành một tập thể HS vững mạnh

Đây là hoạt động có ý nghĩa to lớn trong công tác GD vì tập thể HS vừa là môi trường, vừa là phương tiện GD hữu hiệu nhất. GVCN cần chú ý đến các biện pháp xây dựng tập thể HS vững mạnh:

Xây dựng các mối quan hệ đúng đắn trong tập thể. Một tập thể vững mạnh là một tập thể có các mối quan hệ lành mạnh, đúng đắn. Có 3 mối quan hệ cần xây dựng: Quan hệ tình cảm; quan hệ công việc (quan hệ chức năng) và quan hệ tổ chức. Các mối quan hệ này tạo nên sức mạnh của tập thể, đảm bảo cho tập thể phát triển đúng hướng theo mục tiêu đã đề ra.

GVCN lớp phải tổ chức tốt các loại hình hoạt động và giao lưu trong tập thể HS, xây dựng đội ngũ cán bộ lớp vững mạnh, GD truyền thống và quan tâm GD HS cá biệt

d. Tổ chức các hoạt động GD toàn diện

GD thể giới quan khoa học, tư tưởng đạo đức cho HS

Nâng cao chất lượng học tập văn hóa cho HS

Tổ chức các hoạt động GD lao động và hướng nghiệp

Tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi,

giải trí

e. Liên kết, phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường

GVCN phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; GV bộ môn; các lực lượng khác trong nhà trường và Ban đại diện cha mẹ HS.

f. Đánh giá kết quả GD toàn diện HS

Đánh giá là một nội dung không thể thiếu được trong công tác của GVCN lớp ở trường THPT. Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, phát triển nhân cách của HS đòi hỏi sự khách quan, chính xác, công bằng của người GVCN lớp.

Nội dung, qui trình, cách thức đánh giá theo Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo

1.3.3. Những yêu cầu đối với người GVCN lớp

Hoạt động GD luôn gắn liền với chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Do đó, GVCN với tư cách là người cố vấn cho HS hiểu rõ những định hướng cơ bản của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển xã hội. Đặc biệt là những quan điểm phát triển GD trong từng giai đoạn lịch sử, đó là cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch tổ chức các hoạt động GD của nhà trường, của lớp học

Nghiên cứu, nắm vững hệ thống lý luận GD nói chung và bổ sung, cập nhật thường xuyên tri thức GD hiện đại, làm cơ sở cho hoạt động GD trong thực tiễn. Mặt khác, cần nắm rõ những nội dung trong mục tiêu cấp học, chỉ thị năm học; chương trình giảng dạy môn học; kế hoạch năm học của nhà trường... Những nội dung văn bản này vừa mang tính định hướng chung vừa mang tính cụ thể khi triển khai công tác GD, đồng thời cũng là cơ sở pháp lý của Nhà nước trong việc chỉ đạo, xem xét, đánh giá hoạt động của tập thể và cá nhân HS quy chế, điều lệ, mục tiêu GD của trường phổ thông. Đây là công việc thường xuyên và cần thiết của GVCN nhằm củng cố, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ một cách có hệ thống, liên tục, là cơ sở cho quá trình nâng cao tay nghề và nghệ thuật sư phạm

GVCN lớp phải có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định với đường lối và sự nghiệp đổi mới của Đảng, trung thành với Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có lí tưởng nghề nghiệp đúng đắn. Có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng, có năng lực tổ chức, QL, xây dựng tập thể lớp vững mạnh

GVCN là người thầy mẫu mực, có nhân cách tốt đẹp, là tấm gương sáng về đạo đức, lối sống, nhiệt tình yêu nghề, thương yêu HS, tham gia tích cực các hoạt động chính trị - xã hội, có năng lực tổ chức các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao.

1.4. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VỚI QUẢN LÝ CÔNG TÁC GVCN LỚP

1.4.1. QL công tác GVCN lớp

Công tác GVCN là công tác tổ chức GD toàn diện HS của từng lớp, trên cơ sở phối hợp các lực lượng GD để xây dựng lớp thành tập thể học sinh vững mạnh. QL công tác GVCN lớp là hoạt động tổ chức, điều hành của HT đối với các hoạt động chủ nhiệm của đội ngũ GVCN nhằm nâng cao chất lượng GD toàn diện.

1.4.2. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của HT trường THPT

a. Vị trí, vai trò của HT trường THPT

HT là người đứng đầu, chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của nhà trường. Chịu trách nhiệm truyền đạt, triển khai thực hiện các quan điểm, chủ trương, nội dung, kế hoạch GD của nhà nước, của hệ thống GD đến các thành viên trong nhà trường.

Khoản 1 điều 54 Luật GD 2005 cũng quy định: “HT là người chịu trách nhiệm QL các hoạt động của nhà trường, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận”.

HT có vai trò chủ đạo và quyết định mọi vấn đề của nhà trường.

Điều 16 Luật GD 2005 quy định: “Cán bộ QLGD giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, QL, điều hành các hoạt động GD”.

b. Nhiệm vụ và quyền hạn của HT trường THPT

Nhiệm vụ và quyền hạn của HT trường THPT được quy định tại điều 19, Điều lệ Trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT- BGDĐT, ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

1.4.3. Nội dung QL công tác GVCN lớp của HT

a. QL đội ngũ GVCN lớp

Căn cứ vào tình hình thực tế các lớp, HS, HT chọn lựa các GV có đủ tiêu chuẩn để làm chủ nhiệm ở lớp thích hợp. Xây dựng một đội ngũ GVCN lớp nhằm thực hiện việc QL và GD HS ở từng lớp - đây là một nhiệm vụ quan trọng của người HT và CBQL trường THPT.

b. QL các hoạt động chủ nhiệm lớp của đội ngũ GVCN lớp

HT hướng dẫn, tập huấn và tổ chức kiểm tra đôn đốc thường xuyên đội ngũ GVCN đối với các hoạt động chủ nhiệm lớp: Lập kế hoạch, phê duyệt kế hoạch, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch nếu cần; thực hiện tìm hiểu, nắm vững đối tượng GD và môi trường

GD; xây dựng tập thể lớp vững mạnh, đoàn kết, thân ái; tổ chức thực hiện các nội dung GD toàn diện; phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường; đánh giá kết quả GD HS.

c. QL các điều kiện hỗ trợ công tác GVCN lớp

Thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ chính sách cho GVCN theo quy định, cung ứng đầy đủ các loại thiết bị, sổ sách cần thiết cho công tác GVCN, tổ chức các hoạt động giao lưu học hỏi về công tác GVCN.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chủ nhiệm: Phân công công tác phù hợp với năng lực, điều kiện, hoàn cảnh của. Xây dựng qui chế cụ thể, rõ ràng về mối quan hệ giữa GVCN với các thành phần trong và ngoài nhà trường. Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ GVCN.

Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, động viên GVCN

TIỂU KẾT CHƯƠNG I

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận, đề tài đã hệ thống hóa một số nội dung cơ bản của các vấn đề QL, công tác GVCN, QL công tác GVCN, nội dung QL công tác GVCN của HT trường THPT. Trong đó, QL các hoạt động chủ nhiệm lớp của đội ngũ GVCN là sự biểu hiện cụ thể của việc thực hiện các chức năng QL như lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá.

Nội dung QL của HT về công tác GVCN bao gồm: Xây dựng và phát triển đội ngũ GVCN lớp; nâng cao năng lực của đội ngũ GVCN; QL các hoạt động chủ nhiệm lớp của đội ngũ GVCN; QL các điều kiện hỗ trợ công tác GVCN lớp nhằm đáp ứng yêu cầu GD toàn diện HS. Đây cũng là cơ sở cho việc định hướng nghiên cứu thực trạng QL công tác chủ nhiệm lớp của HT và đề ra các biện pháp QL công tác GVCN lớp ở các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GVCN LỚP Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KT - XH, GD&ĐT HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Chư Sê cách Pleiku 40 km về phía nam. Quốc lộ 14 nối ngã ba Chư Sê với Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Phước, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngã ba Chư Sê cũng có thể đi theo quốc lộ 7 (cũ, nay là quốc lộ 25) đến thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Huyện Chư Sê có diện tích tự nhiên 64.296,27 ha. Dân số 94.389 người. Huyện có 1 thị trấn và 14 xã.

Các loại cây công nghiệp, bao gồm 12.000 ha cà phê, 20.000 ha cao su, hồ tiêu kinh doanh 4.000 ha, 2000 ha bông và một số cây trồng ngắn ngày như đậu đỗ các loại, ngô khoai, lương thực, thực phẩm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế: Giai đoạn 1981-1990 chỉ đạt 4,6% đến giai đoạn 2010-2015 đã đạt trên 14%. Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng tiên bộ. Đến nay, nông nghiệp giảm còn 45%, công nghiệp xây dựng tăng lên 30%, thương mại - dịch vụ 25%, thu nhập GDP bình quân đầu người năm 1981 là 45 USD, năm 2009 là 532 USD; tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 80,5% năm 1981, đến cuối năm 2008 còn 14,2%. Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm từ 80 tỉ đồng đến 110 tỉ đồng, đứng thứ 2 trong tỉnh.

2.1.2. Tình hình phát triển GD&ĐT

a. GD Mầm non

Tổng số có 23 trường MN, MG công lập và tư thục với 202 nhóm lớp, 6.200 cháu, 3.028 nữ, 2.668 cháu dân tộc thiểu số. Trong đó 16 trường công lập với 154 nhóm lớp, 4490 cháu, 2284 nữ, 1319 cháu dân tộc thiểu số.

b. GD Tiểu học

Tất cả các phường, xã đều có từ 01 đến 02 trường tiểu học. Tổng số có 18 trường công lập (17 trường tiểu học và 01 trường PTDT bán trú tiểu học), 552 lớp với 14.623 HS, 7.257 nữ và 7.966 học sinh dân tộc thiểu số.

c. GD trung học cơ sở

Tất cả các phường, xã đều có từ 01 đến 02 trường THCS, đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của con em các dân tộc. Tổng số có 16 trường (02 trường đạt chuẩn Quốc gia) với 150 lớp với 8.225 HS; 2.883 HS DTTS.

d. GD Trung học phổ thông

Huyện Chư Sê có 03 trường THPT với 72 lớp, 3.043 học sinh, 1.656 nữ, 299 HS DTTS.

Các trường THPT đều đã được nhà nước đầu tư xây dựng kiên cố và cung cấp trang bị thiết bị, đồ dùng dạy học đầy đủ. Công tác đảm bảo và nâng cao chất lượng GD được các trường đặc biệt chú trọng. Các biện pháp nâng cao chất lượng GD đã và đang được các trường thực hiện tích cực. Số lượng học sinh tăng so với năm học 2013 - 2014 là 300 em; hằng năm đều có HS giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GVCN LỚP Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

2.2.1. Thực trạng về số lượng, trình độ, thâm niên công tác, phẩm chất năng lực của đội ngũ GVCN lớp

Qua khảo sát ở 3 trường THPT trên địa bàn huyện Chư sê, tỉnh Gia Lai vào thời điểm đang là đầu học kỳ II, năm học 2014 - 2015, chúng tôi nhận được kết quả sau:

Số lượng GVCN đảm bảo theo quy định, tỷ lệ Đảng viên chiếm 27.5%; GVCN lớp là nữ chiếm 57.3%; trình độ đạt chuẩn 100%; GVCN dưới 31 tuổi chiếm 63.7%, từ 31 tuổi đến 41 tuổi chiếm 28.3%, còn lại 8.0% trên 41 tuổi. Thâm niên công tác dưới 5 năm chiếm 51.6%; từ 5 đến 15 năm chiếm 38.3%; trên 15 năm chiếm 10.1%

Đa số GVCN có phẩm chất chính trị vững vàng, có lòng yêu nghề, tôn trọng HS; có nhiều cố gắng trong việc thực hiện kế hoạch cũng như các công việc liên quan đến công tác GVCN. Bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế như khả năng về TĐTT, văn nghệ,...

2.2.2. Nhận thức của CBQL, GV, các lực lượng GD đối với vai trò của GVCN

a. Nhận thức về tầm quan trọng của công tác GVCN lớp trong QLGD HS

Số liệu khảo sát cho thấy, CBQL, GV, cha mẹ HS và HS nhận thức đúng đắn, đánh giá cao vai trò của GVCN trong QLGD HS. Tuy nhiên vẫn còn 1.4 % GV và 9.6% HS cho rằng vai trò của GVCN ở mức quan trọng.

b. Nhận thức của GVCN lớp về các nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình QL, GD HS.

Ý kiến của GVCN về các nguyên nhân có ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đến việc GD đạo đức HS ở các trường THPT huyện Chư Sê:

Các nguyên nhân ảnh hưởng từ môi trường sống, mà cụ thể từ phía xã hội, gia đình và nhà trường, trong đó HS đua đòi theo bạn bè xấu và cha mẹ thiếu quan tâm có ảnh hưởng lớn nhất.

Tiếp đó là do HS học yếu, kém dẫn đến chán học, thiếu ý chí dẫn đến việc suy giảm đạo đức, lối sống.

c. Nhận thức của GVCN về thực trạng một số khuyết điểm của HS

Kết quả khảo sát cho thấy hiện tượng thường xuyên lười học bài là chiếm tỷ lệ cao nhất: 61.1%. Tiếp theo là khả năng hợp tác nhóm kém và thường xuyên giao tiếp kém. Như vậy HS còn nhút nhát, chưa mạnh dạn tự tin. Một số hiện tượng thường thấy ở HS có liên quan đến ý thức thái độ như: Không trung thực, Sống thiếu lý tưởng, Sống tự do, buông thả, Thiếu lòng nhân ái, có hiện tượng xấu về giới tính... cần được GVCN quan tâm và GD hơn nữa. Các GVCN cần phải đẩy mạnh hơn việc GD giá trị sống, kỹ năng sống cho HS, trong đó trước hết cần tập trung GD HS về ý thức, thái độ học tập tốt, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác trong hoạt động nhóm.

d. Những khó khăn của GVCN lớp trong quá trình GD HS

Qua kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến về sự quan tâm, phối hợp của gia đình HS đến quá trình GD chiếm tỷ lệ cao nhất: 84.7%, tiếp đó là tổ các hoạt động cho lớp chưa phong phú

Cũng có nhiều ý kiến của GV cho rằng: Lớp có nhiều HS học yếu; kỹ năng ứng xử SP của GVCN cũng như khả năng làm việc với phụ huynh trong trao đổi tình hình của HS còn hạn chế nhất định.

Qua các ý kiến trao đổi cũng cho thấy các nhà trường phải chú ý hơn trong việc bồi dưỡng cho đội ngũ GVCN về kỹ năng ứng xử sư phạm, kỹ năng tổ chức hoạt động cho HS. Bên cạnh đó, các nhà trường cũng cần phân công công việc hợp lý, tạo điều kiện về thời gian cho GVCN và tăng cường công tác tuyên truyền đến cha mẹ HS, tạo thuận lợi cho việc phối hợp giữa GVCN với cha mẹ HS trong quá trình GD.

2.2.3 Thực trạng về nội dung công việc và các hoạt động chủ nhiệm lớp của GVCN ở các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

a. Việc thực hiện nhiệm vụ và các hoạt động chủ nhiệm lớp của GVCN

Nhiệm vụ cụ thể của GVCN được quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 31, Điều lệ trường phổ thông. Ngoài ra, GVCN còn có những nhiệm vụ đặc thù riêng phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện KT-XH, phong tục tập quán... ở địa phương mình công tác

Qua khảo sát việc thực hiện nhiệm vụ của GVCN lớp có thể thấy GVCN đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Các nhiệm vụ thực hiện đạt mức rất tốt như: Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh.

Các nhiệm vụ GVCN thực hiện ở mức độ bình thường hoặc không tốt đặt ra yêu cầu đối với các nhà trường là phải chú trọng bồi dưỡng GVCN về xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục.

b. Mức độ thực hiện công việc và các hoạt động của GVCN

Các công việc có số đông GVCN làm tốt là kết hợp với cha mẹ để quản lý, giáo dục học sinh; phối hợp với các cán bộ Đoàn thanh niên, các giáo viên bộ môn; lập kế hoạch công tác, kế hoạch các hoạt động của học sinh. Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; tổ chức giờ sinh hoạt lớp theo tinh thần đổi mới phương pháp giáo dục; công tác phối hợp với cha mẹ học sinh, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; giáo dục học sinh cá biệt vẫn được phân lớn GVCN cho là khó thực hiện tốt.

c. Những hoạt động được tổ chức trong giờ sinh hoạt lớp

Qua tìm hiểu ý kiến của GVCN về các hoạt động trong giờ sinh hoạt lớp cho thấy, các GVCN đã có sự đổi mới nội dung, hình thức tổ chức giờ sinh hoạt lớp. Nội dung sinh hoạt lớp đã chủ yếu hướng vào HS, đã chú ý đến việc động viên, khích lệ, tạo không khí nhẹ nhàng, thân thiện. Hình thức tổ chức đã có sự chuyên đôi một phần vai trò giữa GV và HS.

Khảo sát ý kiến của HS về các hoạt động trong giờ sinh hoạt lớp cho thấy, GVCN vẫn đóng vai trò chủ đạo trong buổi sinh hoạt lớp, chưa phát huy được tính tích cực của HS và vai trò cán bộ lớp chưa được nâng cao.

d. Biện pháp nắm bắt tình hình HS

Khảo sát về biện pháp nắm tình hình HS cho thấy, GVCN rất chú trọng việc nắm tình hình và đã sử dụng nhiều kênh thông tin để nắm tình hình HS. Kênh thông tin được nhiều GVCN sử dụng nhất là từ cán bộ lớp, GV bộ môn và sổ ghi đầu bài. Có 70,5 % số GVCN cho rằng họ theo dõi trực tiếp, sát sao tình hình HS hằng ngày, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao; 91,0 % số GVCN đã nắm tình hình HS từ cha mẹ các em, điều này thể hiện sự chú trọng phối hợp với cha mẹ trong QL và GD HS. Mặt khác cũng phản ánh sự hạn chế của một số GVCN trong việc xây dựng ý thức tự giác, tích cực, tự quản cho HS và trong việc phối hợp với cha mẹ HS.

h. Biện pháp trao đổi với cha mẹ HS của GVCN

GVCN thường trao đổi với gia đình HS bằng điện thoại hoặc gặp trực tiếp tại trường; hình thức gọi điện sử dụng nhiều, chiếm 94,4% và trao đổi khi họp phụ huynh, chiếm 100%. Một số cha mẹ HS cho rằng GVCN đến gặp gia đình tại nhà để trao đổi về cách thức phối hợp GD là không nhiều.

Có 94,9% số GVCN trao đổi với cha mẹ HS nội dung khá toàn diện. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều GVCN chưa hỏi gia đình về biện pháp GD con em và có góp ý nếu thấy cần thiết và chưa hỏi gia đình về điều kiện học tập, tính cách, sở thích, mối quan hệ bạn bè của HS.

Một số GVCN trao đổi với gia đình HS chỉ tập trung vào kết quả rèn luyện; những khuyết điểm của HS, bàn biện pháp phối hợp... mà thiếu sự tìm hiểu hoàn cảnh của HS để có những biện pháp phối hợp GD chủ động và phù hợp hơn.

2.2.4. Nhận định, đánh giá chung thực trạng công tác GVCN lớp ở các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

a. Những ưu điểm

Tất cả các GVCN lớp đều đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng. Thực hiện khá tốt và đầy đủ các nhiệm vụ của GVCN.

- Công tác GVCN lớp luôn được BGH các trường đặc biệt quan tâm và có các biện pháp QL, chỉ đạo sâu sát, kịp thời; thực hiện các điều

kiện hỗ trợ công tác GVCN lớp khá hợp lý và đầy đủ tùy theo điều kiện thực tế.

Nội dung công tác GVCN phong phú; GVCN được phân công hầu hết ở các môn có số tiết nhiều.

b. Những tồn tại

Đội ngũ GVCN lớp còn trẻ về tuổi đời và tuổi nghề nên hạn chế về kinh nghiệm trong công tác GD, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số rất khó khăn

- Việc bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các chuyên đề về công tác chủ nhiệm lớp còn thiếu liên tục, thiếu hệ thống và đặc biệt là các tài liệu liên quan công tác GVCN lớp ở các trường chưa phong phú cả về số lượng và nội dung.

Nội dung công tác GVCN lớp ở các trường là khá phong phú, tuy nhiên tổ chức thực hiện chưa đồng bộ giữa các lớp, các khối lớp và giữa các GVCN. Một số GVCN thực hiện công tác GVCN lớp chưa hiệu quả, tiếp cận đổi mới còn chậm; sự phối kết hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường còn chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ và hiệu quả.

Số tiết chuẩn công tác GVCN lớp 4 tiết/tuần là chưa hợp lý

2.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GVCN LỚP CỦA HT CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN CHƯ SÊ, GIA LAI

2.3.1. Nhận thức về tầm quan trọng của việc QL công tác GVCN

Qua khảo sát có 98% CBQL và GV cho rằng việc tăng cường QL công tác GVCN lớp ở các trường THPT hiện nay là rất quan trọng

2.3.2. Nhận thức của cán bộ QL sở GD&ĐT về công tác GVCN

Qua kết quả điều tra chúng tôi nhận được 100% CBQL sở GD&ĐT đều đánh giá cao về tầm quan trọng của công tác GVCN lớp cũng như QL công tác GVCN lớp của HT ở trường THPT.

Điều đó cho thấy sở GD&ĐT rất quan tâm đến lĩnh vực này, và đây cũng là điều kiện thuận lợi cho các trường THPT trong quá trình GD toàn diện HS.

2.3.3. Thực trạng về QL công tác GVCN lớp của HT ở các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

a. QL nhân sự và phân công công tác GVCN lớp

HT các trường THPT đã có sự tìm hiểu kỹ về năng lực GV để phân công công tác GVCN lớp.

Bên cạnh đó các HT cũng rất quan tâm đến việc bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chủ nhiệm lớp cũng như có kế hoạch tạo nguồn GVCN.

b. QL việc lập kế hoạch của GVCN lớp

Kết quả điều tra cho thấy, các trường sau khi phân công GVCN đều phát mẫu sổ chủ nhiệm và triển khai việc lập kế hoạch chủ nhiệm năm học.

Sau khi lập xong kế hoạch chủ nhiệm năm học các trường đều tổ chức kiểm tra việc lập kế hoạch chủ nhiệm.

Trong năm học, GVCN tiếp tục cụ thể hóa kế hoạch theo từng tuần và nhà trường tiếp tục kiểm tra và có đưa kết quả vào đánh giá xếp loại hồ sơ của GV. HT các trường THPT đã QL tốt việc lập kế hoạch của GVCN lớp, đặc biệt là kế hoạch tuần và kế hoạch tháng

Kết quả khảo sát việc thực hiện nhiệm vụ của GVCN theo Điều 31, Điều lệ trường phổ thông cũng cho thấy rõ sự hạn chế trong việc lập kế hoạch của nhiều GVCN.

c. QL việc thực hiện nội dung kế hoạch của GVCN lớp

Tìm hiểu HS, gia đình HS, môi trường GD

HT đã hướng dẫn GVCN việc lập hồ sơ HS ngay từ đầu năm học và cập nhật trong năm học.

Xây dựng tập thể HS đoàn kết, thân ái

Đầu năm học HT ban hành nội quy HS cho GVCN tổ chức phổ biến kỹ đến từng HS và cha mẹ HS. Đoàn TN thành lập đội Cờ đỏ theo dõi nề nếp vừa theo dõi vừa hỗ trợ GVCN xây dựng nề nếp cho HS. Hàng tuần HT kiểm tra sổ ghi đầu bài và tổng hợp phiếu thông tin của GVCN để nắm tình hình nề nếp HS các lớp.

Tổ chức các hoạt động GD toàn diện

HT có yêu cầu và hướng dẫn GVCN xây dựng các kế hoạch tổ chức hoạt động GD có giám sát, đôn đốc. Tuy nhiên, nhìn chung kế hoạch tổ chức hoạt động của nhiều GVCN còn chưa đạt yêu cầu, hiệu quả các hoạt động còn thấp.

Đánh giá, xếp loại HS

Kết quả khảo sát cho thấy HT các trường đã nghiêm túc triển khai, hướng dẫn GVCN thực hiện chính xác, khánh quan các qui định về đánh giá, xếp loại HS.

Phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường

Kết quả điều tra cho thấy, HT các trường tổ chức các cuộc họp cha mẹ HS mỗi năm học ít nhất 3 lần, có hướng dẫn GVCN về nội dung, cách thức tổ chức họp cha mẹ HS; hướng dẫn GVCN cụ thể trong phối hợp với cha mẹ HS; có qui chế phối hợp giữa GVCN với GV bộ môn, Đoàn thanh niên, Công đoàn...

d. Kiểm tra, đánh giá kết quả công tác của GVCN lớp

Qua khảo sát cho thấy, việc kiểm tra, giám sát của HT đã được thực hiện ở tất cả các mốc thời gian và đều trên 75%. Tuy vậy, công tác theo dõi, kiểm tra của HT vẫn chưa thực hiện một cách chặt chẽ và thường xuyên.

2.3.4. Thực trạng về QL các điều kiện hỗ trợ công tác GVCN lớp của HT các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

Qua khảo sát cho thấy các HT đã chú ý quan tâm đến các điều kiện hỗ trợ công tác GVCN lớp. Đặc biệt, việc thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ GVCN là thường xuyên và đầy đủ. Tuy nhiên, với điều kiện ngân sách giao khoán chi tiết và cụ thể cho các trường trong từng mục chi tiêu; cắt giảm 10% tiết kiệm trong kinh phí chi thường xuyên như hiện nay thì điều kiện phục vụ cho các hoạt động khác rất khó khăn. Vì vậy, nhà trường muốn tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm cũng rất khó thực hiện

2.3.5. Nhận định, đánh giá chung thực trạng QL công tác GVCN lớp của HT các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

a. Thuận lợi

Ngành GD&ĐT đã rất quan tâm chỉ đạo, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; ban hành điều lệ, quy chế, các văn bản chỉ đạo; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Hầu hết CBQL sở GD&ĐT, CBQL trường THPT và GVCN đều đánh giá cao vai trò của GVCN lớp, công tác GVCN lớp cũng như sự QL công tác GVCN lớp của HT ở trường THPT

Đội ngũ CBQL đã qua lớp QLGD hoặc đang theo học cao học QLGD, có năng lực về chuyên môn nghiệp vụ; đội ngũ GVCN lớp trẻ, nhiệt tình, năng động, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, thương yêu HS.

Đa số cha mẹ HS quan tâm đến việc GD con em và phối hợp tốt với nhà trường trong việc QL, GD HS.

b. Khó khăn

Các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê còn thiếu thốn về CSVC, kinh phí đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới GD; số giờ được tính cho GVCN hiện nay chỉ 4 tiết/tuần là quá ít so với yêu cầu công việc.

Một số GVCN chưa thực sự gắn bó với công việc, thiếu đầu tư cho công tác chủ nhiệm; sự phối kết hợp giữa GVCN với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả; những tác động tiêu cực của xã hội cũng ảnh hưởng đến một bộ phận HS, gây trở ngại không nhỏ đến quá trình GD HS

Tại các địa bàn vùng sâu vùng xa, kinh tế khó khăn, HS thường xuyên bỏ học, đặc biệt là HS DTTS đã gây ra nhiều khó khăn trong công tác QL

c. Những hạn chế, bất cập

HT các trường chưa phát huy hết năng lực, sở trường của đội ngũ GVCN lớp.

Công tác chỉ đạo phối kết hợp giữa GVCN với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả.

- Công tác duy trì sĩ số, hướng nghiệp cho HS DTTS còn gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận HS học yếu dẫn đến chán học, vi phạm nội qui trường lớp, ảnh hưởng các mặt tiêu cực ngoài XH đã có tác động không nhỏ tới việc GD HS

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Từ các kết quả khảo sát thực trạng công tác GVCN lớp và hoạt động QL công tác GVCN lớp của HT các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai cho thấy HT và các CBQL ở trường THPT đã rất coi trọng vai trò của GVCN lớp trong quá trình GD toàn diện HS. Các biện pháp QL công tác chủ nhiệm được thực hiện ở các trường đã đáp ứng cơ bản mục tiêu GD đề ra, đặc biệt trong việc duy trì nền nếp dạy học và GD đạo đức HS. Đồng thời, kết quả khảo sát cũng cho thấy trong QL công tác GVCN cũng còn gặp nhiều khó khăn từ phía GV, HS, môi trường XH...và còn một số tồn tại cơ bản trong việc thực hiện các chức năng QL.

Đề nâng cao hơn nữa chất lượng GD ở địa phương, nơi có nhiều HS DTTS, kinh tế khó khăn, đòi hỏi GVCN và CBQL các trường phải đổi mới các biện pháp QL công tác GVCN thiết thực, khả thi nhằm khắc phục khó khăn trước mắt và lâu dài, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GVCN LỚP CỦA HT CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN CHƯ SÊ TỈNH GIA LAI

3.1. CÁC NGUYÊN TẮC KHI XÂY DỰNG BIỆN PHÁP

- 3.1.1. Đảm bảo tính kế thừa**
- 3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn**
- 3.1.3. Đảm bảo tính đồng bộ**

3.2. CÁC BIỆN PHÁP

3.2.1. Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GVCN lớp ở trường THPT cho CBQL và đội ngũ GV

a. Mục tiêu, ý nghĩa

Đội ngũ CBQL, GV và GVCN nhận thức đầy đủ, đúng đắn vai trò của GVCN lớp, công tác GVCN lớp trong quá trình GD HS là điều hết sức cần thiết. Đó là động lực thúc đẩy sự tiến bộ, phát triển; là yếu tố quyết định đến hoạt động GD cũng như kết quả GD toàn diện của nhà trường.

b. Nội dung và cách tiến hành thực hiện

- HT phải xác định được vị trí, vai trò, của GVCN lớp đối với việc thực hiện nhiệm vụ năm học và quán triệt đến tất cả các thành viên trong nhà trường; cha mẹ HS; các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường về

tầm quan trọng của công tác GVCN lớp ở trường THPT, đặc biệt là những GV mới ra trường.

- HT quán triệt đến đội ngũ GVCN lớp về trách nhiệm, nhiệm vụ của GVCN. Ngoài nhiệm vụ của người GV, GVCN còn có thêm các nhiệm vụ cụ thể được quy định trong Điều lệ trường PT và những nhiệm vụ mang tính đặc thù riêng phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện KT-XH, phong tục tập quán... ở địa phương mình công tác. Như vậy, GVCN lớp có trách nhiệm cao hơn, nhiệm vụ nặng nề hơn so với các GV khác.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Khi áp dụng, thực hiện biện pháp này cần phải tiến hành một cách đồng bộ, thống nhất từ Chi bộ Đảng, ban giám hiệu đến toàn thể giáo viên, nhân viên, giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, cha mẹ học sinh, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Từ đó, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý; huy động các lực lượng giáo dục tham gia vào công tác giáo dục toàn diện học sinh, đảm bảo được sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, tạo sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra.

3.2.2. Biện pháp 2: Bồi dưỡng phẩm chất, năng lực cho GVCN lớp

a. Mục tiêu, ý nghĩa

Nhằm nâng cao trình độ chính trị, quan điểm lập trường, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người GVCN lớp đáp ứng yêu cầu đổi mới GD, nâng cao chất lượng GD toàn diện.

b. Nội dung và cách tiến hành thực hiện các biện pháp

Bồi dưỡng tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, đường lối, nguyên lý, chính sách GD của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó, GVCN lớp vận dụng vào việc tổ chức hoạt động GD HS

HT nhà trường phải thường xuyên cập nhật thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kịp thời nắm bắt những diễn biến tư tưởng, nhận thức của CBCNV, GV nhà trường.

Có kế hoạch tổ chức cho GV giúp đỡ các HS DTTS có hoàn cảnh khó khăn ngay từ đầu năm học. Cung cấp kịp thời các tài liệu, báo, tạp chí, thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước để CB GV nghiên cứu, tham khảo nâng cao trình độ chính trị, xã hội. Động viên, tạo điều kiện tối đa để CBCNV, GV tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, học tập nghị quyết của Đảng do Huyện Ủy, sở GD&ĐT tổ chức.

Bồi dưỡng hệ thống lý luận giáo dục, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GVCN lớp

Tổ chức các đợt tập huấn nhằm tăng cường nhận thức về vai trò, trách nhiệm và năng lực của GVCN trong việc QL học sinh, tổ chức các hoạt động GD học sinh THPT đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GD toàn diện.

HT cần tìm hiểu nhu cầu học tập của đội ngũ GV nói chung và đội ngũ GVCN nói riêng, từ đó có kế hoạch tập huấn bồi dưỡng từ đầu năm học. Lập kế hoạch tập huấn bồi dưỡng về công tác chủ nhiệm lớp cho đội ngũ GV trong nhà trường.

Xác định nội dung tập huấn bồi dưỡng

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng về công tác chủ nhiệm lớp cho đội ngũ GV nói chung và GVCN nói riêng ở các trường THPT. Theo dõi việc học tập bồi dưỡng thường xuyên và việc áp dụng những nội dung bồi dưỡng vào thực tế chủ nhiệm ở lớp.

Tổ trưởng chuyên môn giám sát việc thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, áp dụng nội dung bồi dưỡng công tác chủ nhiệm lớp vào thực tế tổ chức các hoạt động GD cho HS.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Ban giám hiệu nhà trường cần xác định rõ nội dung tập huấn bồi dưỡng, những nhà trường nội dung có tác dụng thiết thực, phù hợp sinh học với điều kiện thực tế của nhà trường, những tri thức mới và khả năng vận dụng tri thức khoa học vào thực tế, những tri thức khoa học về xã hội, khoa học tự nhiên, về lịch sử, văn hóa, tâm lý học, giáo dục học... Đặc biệt là tri thức về lịch sử, văn hóa địa phương.

3.2.3. Biện pháp 3: Tuyển chọn, phân công, bố trí giáo viên chủ nhiệm lớp

a. Mục tiêu, ý nghĩa

Nhằm xây dựng đội ngũ GVCN lớp tối ưu nhất trong điều kiện thực tế của nhà trường; tạo điều kiện thuận lợi và phù hợp để các GVCN thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong công tác GVCN lớp. Đồng thời, giúp cho HT thực hiện tốt chức năng QL công tác GVCN lớp trong quá trình điều hành các hoạt động GD.

b. Nội dung và cách tiến hành thực hiện biện pháp

Công tác xây dựng, tuyển chọn và phân công GVCN lớp

- HT cần xác định rõ những phẩm chất, năng lực mà thực tế đòi hỏi ở người GVCN lớp; xem xét các điều kiện cụ thể như những khó khăn, thuận lợi của nhà trường, hoàn cảnh gia đình GVCN, những đặc thù của địa phương... trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch tuyển chọn GVCN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học. Tránh chủ quan, tuyển chọn theo cảm tính.

Chọn những GV có đủ phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm chủ nhiệm lớp và có uy tín nhất trong đội ngũ GV để phân công công tác chủ nhiệm lớp. Phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, năng lực, kinh nghiệm chủ nhiệm lớp, kỹ năng ứng xử... của GVCN để phân công, bố trí chủ nhiệm các lớp phù hợp nhằm mang lại quyền lợi cho HS nói riêng và hiệu quả trong quá trình GD HS nói chung.

Quy hoạch, tạo nguồn đội ngũ GVCN lớp

HT căn cứ tình hình thực tế cũng như định hướng phát triển GD của nhà trường trong những năm tới; căn cứ thực trạng đội ngũ GVCN lớp; căn cứ điều kiện thực tế địa phương; căn cứ điều kiện, nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của GV, HT xây dựng kế hoạch điều chỉnh, bổ sung, thay thế, bồi dưỡng, tạo nguồn đội ngũ GVCN lớp. Khảo sát, đánh giá nhu cầu, năng lực và điều kiện gia đình của GV, đồng thời tình hình thực tế các lớp HS. Lập kế hoạch xây dựng đội ngũ GVCN và phân công GVCN lớp. Điều chỉnh nếu thấy cần thiết trên cơ sở để đạt nguyện vọng của GVCN và sự phù hợp với thực tế. Phân công GVCN lớp phù hợp với điều kiện công việc giảng dạy và điều kiện gia đình

Xây dựng đội ngũ GVCN kế cận và phân công GVCN giỏi kèm cặp giúp đỡ cho những GV trẻ, có năng lực để có thể thay thế, trên cơ sở giao từng công việc cụ thể, GV trẻ tham gia từng phần công việc của GVCN, tham dự các buổi sinh hoạt lớp.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Cần có chiến lược phát triển nhà trường cũng như những nhận định, dự báo chính xác, khoa học về tình hình thực tế cũng như định hướng phát triển giáo dục của nhà trường trong những năm tới; căn cứ thực trạng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp; căn cứ điều kiện thực tế địa phương để Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch điều chỉnh, bổ sung, thay thế, bồi dưỡng, tạo nguồn đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp đạt hiệu quả.

3.2.4. Biện pháp 4: Quản lý hoạt động thực hiện nhiệm vụ, công tác chủ nhiệm lớp của GVCN

a. Mục tiêu, ý nghĩa

QL hoạt động thực hiện nhiệm vụ trong công tác GVCN lớp của GVCN nhằm kiểm tra, nhắc nhở, đánh giá việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp của GVCN góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ GD.

b. Nội dung và cách tiến hành thực hiện biện pháp

QL việc xây dựng kế hoạch công tác của GVCN: Căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ năm học; căn cứ nhiệm vụ, mục tiêu của các bộ phận, tổ chức đoàn thể trong phương hướng nhiệm vụ năm học, HT chỉ đạo GVCN xây dựng kế hoạch công tác GVCN lớp phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi cao. HT phải cung cấp đầy đủ các văn bản liên quan, thông tin về HS, tình hình đặc điểm chung của lớp cho GVCN khi xây dựng kế hoạch.

QL việc tổ chức thực hiện kế hoạch công tác của GVCN lớp: HT theo dõi hoặc phân công theo dõi chặt chẽ việc triển khai

kế hoạch của GVCN lớp từng tuần, tháng, học kỳ. HT kiểm tra, đánh giá công tác GVCN lớp công khai, khách quan.

Tổ chức giao ban chủ nhiệm định kỳ hàng tuần

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Trong quá trình triển khai công tác và tổ chức các hoạt động giáo dục ở lớp mình phụ trách, giáo viên chủ nhiệm cần định kỳ thông báo, báo cáo với Ban giám hiệu để theo dõi, giúp đỡ. Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng tham dự giờ sinh hoạt lớp, các sinh hoạt tập thể hoặc hoạt động của lớp. Qua đó, Ban giám hiệu kiểm tra, đánh giá công tác giáo viên chủ nhiệm lớp, kế hoạch chủ nhiệm cũng như hoạt động của lớp một cách khách quan, chính xác hơn.

3.2.5. Biện pháp 5: Kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp của GVCN

a. Mục tiêu, ý nghĩa

Kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp của GVCN nhằm chỉ ra ưu khuyết điểm để đúc rút kinh nghiệm cũng như ghi nhận hiệu quả công tác của đội ngũ GVCN. Kiểm tra, đánh giá một cách công bằng, khách quan sẽ tạo động lực cho GVCN lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

b. Nội dung và cách tiến hành thực hiện biện pháp

Xây dựng kế hoạch công tác, kế hoạch tổ chức các hoạt động kiểm tra của HT. Xây dựng nội dung kiểm tra theo từng đợt và cách thức tiến hành. Thành lập nhóm kiểm tra có sự phân công hợp lí. Việc kiểm tra thường xuyên còn có ý nghĩa tư vấn góp ý cho các GVCN rút ra bài học kinh nghiệm để làm tốt hơn cũng là hình thức chia sẻ kinh nghiệm giữa các thể hệ GV. Tham gia các hoạt động GD của các lớp cũng là hình thức kiểm tra không chính thức nhưng có thể nắm vững tình hình thực tế của GVCN và HS.

Họp giao ban chủ nhiệm định kỳ hàng tuần; tổ chức cho GVCN tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện công tác chủ nhiệm lớp trong tuần qua; phân công giám sát, kiểm tra và đôn đốc quá trình thực hiện công việc của GVCN.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Họp giao ban chủ nhiệm định kỳ hàng tuần gồm các thành phần: Ban giám hiệu, Đoàn thanh niên, Ban nề nếp và toàn thể giáo viên chủ nhiệm

Các Hiệu trưởng nên tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện công tác chủ nhiệm lớp trong tuần qua; các thành phần khác nhận xét, tổng hợp điểm thi đua trong tuần, giải quyết những khiếu nại, đề xuất xử lý học sinh vi phạm... Hiệu trưởng tổng hợp ý kiến nhận xét, kết luận và triển khai công tác tuần tới.

3.2.6. Biện pháp 6: Quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác chủ nhiệm lớp của GVCN ở các trường THPT huyện Chư Sê, Gia Lai

a. Mục tiêu, ý nghĩa

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cả về tinh thần, vật chất cho công tác GVCN lớp; động viên khuyến khích kịp thời tạo sự phấn khởi, cố gắng vươn lên của các GVCN trong công tác GVCN lớp.

Là động lực thúc đẩy GVCN lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện HS.

b. Nội dung và cách tiến hành thực hiện biện pháp

Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết cho công tác chủ nhiệm lớp: Cung ứng đầy đủ những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, thiết bị cho GVCN lớp. Tận dụng mọi nguồn kinh phí có thể nhằm phục vụ cho nhu cầu dạy học và công tác GVCN lớp.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chủ nhiệm lớp cho đội ngũ GVCN.

Xây dựng mối quan hệ, sự phối hợp giữa GVCN lớp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường: HT cần tạo dựng được mối quan hệ kết hợp giữa các lực lượng GD, huy động nhiều nguồn lực ở địa phương chăm lo sự nghiệp GD góp phần đẩy mạnh công tác xã hội hóa GD.

Xây dựng các qui chế phối hợp giữa GVCN với các GV bộ môn, Đoàn thanh niên, cha mẹ HS, các lực lượng GD khác trong và ngoài nhà trường.

Xây dựng quy chế QL công tác GVCN lớp gắn với công tác thi đua: HT cần tập hợp đầy đủ và nghiên cứu các văn bản, quy định, quy chế về QL GV, HS và công tác thi đua.

Tổ chức cho Hội đồng GD nhà trường thảo luận, góp ý, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế để đơn vị làm cơ sở đánh giá.

Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, động viên, khích lệ kịp thời GVCN lớp: Tổ chức thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời nhằm tạo sự phấn khởi, cố gắng vươn lên của các GVCN trong công tác chủ nhiệm lớp và xây dựng đội ngũ GVCN nhiệt tình, có năng lực góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện cho HS. HT cần thực hiện và chỉ đạo các bộ phận chức năng trong nhà trường thực hiện các nội dung sau:

Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn thi đua xuất phát từ các văn bản Nhà nước như Chuẩn nghề nghiệp GV trung học; Điều lệ trường phổ thông. Công khai các tiêu chí đánh giá và phát động thi đua trong toàn trường. Kiểm tra, đôn đốc thường xuyên để có căn cứ đánh giá kết quả công tác và quá trình thực hiện công tác GVCN lớp của các GVCN.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng có trách nhiệm cân đối tài chính trong Quy chế chi tiêu nội bộ một cách hợp lý; các quy định về khen thưởng giáo viên chủ nhiệm giỏi phải cụ thể, công khai; vận động các nguồn lực phục vụ cho công tác giáo viên chủ nhiệm lớp một cách hiệu quả.

3.2.7. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Mỗi biện pháp có vị trí, vai trò và chức năng khác nhau, song giữa các biện pháp này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau. Các biện pháp này phải được thực hiện một cách đồng bộ và thống nhất trong quá trình QL.

3.2. KHẢO NGHIỆM TÍNH HỢP LÝ, TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT

3.2.1. Mục đích khảo nghiệm

Khảo nghiệm nhằm đánh giá tính hợp lý, tính khả thi trong thực tiễn của các biện pháp quản lý công tác GVCN lớp.

3.2.2. Nội dung khảo nghiệm

Khảo nghiệm về tính hợp lý của từng biện pháp

Khảo nghiệm về tính khả thi của từng biện pháp

3.2.3. Phương pháp khảo nghiệm

Phương pháp điều tra viết; Phương pháp chuyên gia

3.2.4. Địa bàn khảo nghiệm và khách thể khảo nghiệm

Chúng tôi đã hỏi ý kiến của 80 người ở địa bàn huyện Chư Sê gồm: 01 Nhà giáo Ưu tú; 03 HT, 05 P.HT, 03 Bí thư Đoàn TN, 03 chủ tịch Công đoàn và 65 GVCN lớp có nhiều kinh nghiệm được thừa nhận của 3 trường THPT

3.2.5. Cách thức tiến hành khảo nghiệm

Chúng tôi đã soạn sẵn phiếu trưng cầu ý kiến với câu hỏi về tính hợp lý và câu hỏi về tính khả thi của 6 biện pháp được đề xuất và tiến hành xin ý kiến của 83 người được chọn

3.2.6. Kết quả khảo nghiệm

Kết quả khảo sát cho thấy, các biện pháp nêu trên đều rất hợp lý và hợp lý, đạt tỷ lệ cao, chiếm 91.25% - 100%. CBQL, GVCN đều nhận thấy các biện pháp có tính khả thi cao, đạt từ 82.5% - 100%.

3.3. SO SÁNH MỐI QUAN HỆ GIỮA MỨC ĐỘ HỢP LÝ VÀ MỨC ĐỘ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP

Qua khảo sát cho thấy biện pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác GVCN lớp ở trường THPT cho CBQL và đội ngũ GV có mức độ hợp lý đạt 100%, nhưng mức độ khả thi chỉ đạt là 92,6. Việc này đòi hỏi HT và CBQL nhà trường phải có quyết tâm cao trong việc sắp xếp các hoạt động chung của nhà trường, giành thời gian cho tập huấn bồi dưỡng chuyên môn cho GVCN, đồng thời phải tích cực tuyên truyền và có biện pháp thúc đẩy khắc phục tính bảo thủ, trì trệ, ngại đổi mới của một số GV.

Biện pháp 2 có mức độ hợp lý đạt 100%, nhưng mức độ khả thi chỉ đạt là 96,3%. Biện pháp 3 có mức độ đánh giá tính hợp lý và tính khả thi tương đồng, cho thấy biện pháp này đáp ứng thực tiễn tốt hơn cả. Chúng tôi

thấy rằng đây là biện pháp dung hòa dễ đi vào thực tiễn nhà trường và được nhiều người ủng hộ.

Biện pháp 4, có mức độ đánh giá tính hợp lý chỉ đạt 96,3%, trong khi đó tính khả thi cao, đạt 100%. Ý kiến này cho là ít hợp lý do người trả lời chưa hiểu được mối quan hệ sâu sắc của biện pháp 4 với các biện pháp khác trong khi lại biết rất rõ điều kiện đảm bảo thực hiện biện pháp 4. Đồng thời cũng là điểm đáng lưu ý cho các HT khi triển khai thực hiện biện pháp 4 phải chú ý hơn việc tuyên truyền về sự hợp lý cho cán bộ, GV.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Từ các kết quả khảo sát thực trạng công tác GVCN lớp và hoạt động QL công tác GVCN lớp của HT, chúng tôi đề xuất 6 biện pháp QL công tác GVCN lớp các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nhằm góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện, đáp ứng các yêu cầu đổi mới GD hiện nay. Các biện pháp QL của HT trường THPT góp phần nâng cao năng lực QL HS, năng lực tổ chức các hoạt động GD HS và ý thức trách nhiệm, sự phát triển năng lực nghề của GV đáp ứng với chuẩn nghề nghiệp GV trung học.

Kết quả khảo nghiệm các biện pháp cho thấy các cán bộ, GV có năng lực và có nhiều kinh nghiệm trong QL công tác chủ nhiệm ở trường THPT đều khẳng định về tính hợp lý và tính khả thi của các biện pháp được đề xuất. Như vậy, CBQL và HT các trường THPT huyện Chư Sê có thể xem xét và vận dụng những biện pháp này để QL công tác GVCN lớp của trường mình. Đồng thời khi vận dụng các biện pháp QL, các trường nên xây dựng hệ thống các biện pháp, trong đó có biện pháp mang tính chủ đạo và có biện pháp mang tính hỗ trợ.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về lý luận

Luận văn đã nghiên cứu một cách có hệ thống và làm sáng tỏ cơ sở lý luận về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường, quản lý công tác GVCN lớp; vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và công việc của GVCN lớp; nội dung công tác GVCN lớp; HT trường THPT với hoạt động QL công tác GVCN lớp.

Việc nghiên cứu trên đã định hướng, xác lập cơ sở vững chắc cho việc khảo sát thực trạng và đề xuất các biện pháp QL công tác GVCN lớp trong các trường THPT.

1.2. Về thực trạng

Luận văn đã khảo sát và đánh giá một cách khá đầy đủ về tình hình hoạt động của đội ngũ GVCN, công tác GVCN lớp và hoạt động quản lý công tác GVCN lớp của HT các trường THPT huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Nêu lên mặt mạnh, mặt yếu cũng như những thuận lợi và khó khăn của hoạt động QL công tác GVCN lớp.

1.3. Về biện pháp

Đề khắc phục những hạn chế, bất cập trong quản lý công tác GVCN lớp của Hiệu trưởng trường THPT, chúng tôi đã đề cập 6 biện pháp. Qua khảo sát cán bộ quản lý và đội ngũ GVCN cho thấy các biện pháp trên là hợp lý và khả thi đối với các trường THPT. Các biện pháp trên có mối liên hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Các biện pháp đề xuất cũng phù hợp với điều kiện thực tế của các trường THPT trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia lai.

Những kết quả khảo nghiệm đã được xác định tính hợp lý và khả thi của các biện pháp đề xuất. Điều đó cho thấy nội dung luận văn đã đáp ứng được mục đích nghiên cứu và giải quyết được nhiệm vụ nghiên cứu đề ra.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ GD - ĐT

Bộ GD - ĐT nên có văn bản hướng dẫn đánh giá một GVCN giỏi để làm tiêu chí cho GVCN phấn đấu; tăng số tiết chủ nhiệm lên 6 tiết/ tuần; biên soạn các tài liệu hướng dẫn về công tác chủ nhiệm lớp để GVCN tham khảo, tạo điều kiện cho GVCN tự bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

2.2. Đối với UBND tỉnh

Cần tăng thêm kinh phí chi thường xuyên cho các trường THPT, tạo điều kiện để các trường đầu tư thêm về trang thiết bị phục vụ các công tác sinh hoạt của học sinh; đồng thời có kinh phí chi cho các hoạt động chung của nhà trường

2.3. Đối với Sở GD&ĐT

Tổ chức hội thi GVCN giỏi, giống như các kỳ thi GV dạy giỏi. Tổ chức hội thảo về công tác của GVCN, từ đó tập hợp và biên tập thành tài liệu cho GVCN tham khảo, bồi dưỡng thêm về chuyên môn, nghiệp vụ. Trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hè hằng năm, nên có phần bồi dưỡng công tác chủ nhiệm lớp.

2.4. Đối với HT các trường THPT huyện Chư Sê, Gia Lai

Quan tâm, bồi dưỡng, tạo nguồn GV làm công tác chủ nhiệm lớp. Tạo điều kiện tốt nhất để công tác GVCN lớp đạt hiệu quả. Cần chú trọng công tác của GVCN, không nên chỉ chú ý đến công tác chuyên môn mà xem nhẹ vai trò của GVCN. Có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời giáo viên có thành tích trong công tác chủ nhiệm lớp.